

Phụ lục II

**BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH HÀ TĨNH, GIAI ĐOẠN 2022 - 2025**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND ngày /12/2022 của UBND tỉnh)

XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO GIAI ĐOẠN 2022 - 2025:

1. Là xã đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới thực hiện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, giai đoạn 2022 - 2025).
2. Đạt các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2022 - 2025, bao gồm:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm chỉ đạo hướng dẫn, đánh giá, thẩm định	
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch	Đạt	Sở Xây dựng	
		1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch	Đạt		
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc các điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương, phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên	Đạt		
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định	Đường xã được bảo trì hàng năm đảm bảo đi lại thuận tiện, an toàn; đảm bảo vệ sinh mặt đường	Đạt	Sở Giao thông và Vận tải
			Đường xã được lắp biển báo giao thông theo quy định; bố trí gờ giảm tốc tại các nhánh nút giao từ đường trục xã giao nhau với đường trục thôn trở lên	Đạt	
			Tỷ lệ đường xã qua khu dân cư có hệ thống đèn điện chiếu sáng	≥75%	
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản và đường liên thôn, bản	2.2.1. Được cứng hóa (trong đó tối thiểu 80% được bê tông hóa, nhựa hóa đạt chuẩn) và bảo trì hàng năm	100%	
			2.2.2. Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	Đạt	
			- Đường trục thôn, bản, liên thôn, bản đảm bảo vệ sinh mặt đường	Đạt	
			- Đường trục thôn, bản, liên thôn, bản được lắp biển báo giao thông tại tất cả các điểm giao nhau của các đường giao thông từ đường trục thôn, bản trở lên; bố trí gờ giảm tốc tại các nhánh nút giao từ đường trục thôn, bản giao nhau với đường trục xã trở lên	Đạt	
		- Tỷ lệ đường trục thôn, bản, liên thôn, bản qua khu dân cư có hệ thống đèn điện chiếu sáng	≥75%		
		- Tỷ lệ đường trục thôn, bản, liên thôn, bản có trồng cây bóng mát (đối với những đoạn có thể trồng được)	≥80%		
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	≥90%		
2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa	≥80%				
3	Thủy lợi và	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	≥90%	Sở Nông nghiệp và	

	phòng, chống thiên tai	3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững	Đạt	Phát triển nông thôn
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của xã được áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, hiệu quả, tiết kiệm nước. - Đối với cam, bưởi, chè $\geq 25\%$ - Đối với rau củ quả $\geq 35\%$	Đạt	
		3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	Đạt	
		3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi	Đạt	
		3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Khá	
4	Điện	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	$\geq 99\%$	Sở Công thương
5	Giáo dục	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo
		5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS	Mức độ 3	
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ	Mức độ 2	
		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại	Khá	
5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền phù hợp với thực tiễn địa phương và lứa tuổi ¹	Đạt			
6	Văn hóa	6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên ²	Đạt	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch
		6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định	$\geq 90\%$	
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới	100%	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Đối với xã có chợ trong quy hoạch tỉnh ³ : có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm đáp ứng các quy định về tiêu chí chợ kinh doanh thực phẩm áp dụng trên địa bàn tỉnh hoặc có chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm quy định tại TCVN 11856:2017 (trường hợp xã có 02 chợ trở lên được lựa chọn thực hiện Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn nâng cao tại 01 chợ).	Đạt	Sở Công thương
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân ⁴	Đạt	Sở Thông tin và truyền thông
		8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh Xã có tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt: Tối thiểu 50% đối với các xã miền núi; Tối thiểu 80% đối với các xã còn lại.	Đạt	
		8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông ⁵	Đạt	
		8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới ⁶	Đạt	

¹ Bơi lội, điền kinh, bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, bóng bàn, võ cổ truyền, cầu lông, aerobic,...

² 100% địa bàn khu dân cư có lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời; có tối thiểu 01 câu lạc bộ Văn hóa, văn nghệ, 01 câu lạc bộ thể thao hoạt động thường xuyên; hằng năm có tối thiểu 05 cuộc hội thi, hội diễn văn nghệ và tối thiểu 07 giải thể thao.

³ Trường hợp xã không có chợ nông thôn hoặc có chợ nông thôn trong quy hoạch đã được phê duyệt nhưng do nhu cầu thực tế chưa cần đầu tư xây dựng thì không xem xét Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn mới nâng cao. Việc xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao được thực hiện trên cơ sở xem xét, đánh giá các tiêu chí còn lại trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao

⁴ Ngoài việc đáp ứng các điều kiện của xã đạt chuẩn, điểm phục vụ bưu chính tại xã phải có khả năng phục vụ nhu cầu sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân.

⁵ Xã đáp ứng đủ các điều kiện sau: 100% thôn của xã khu vực đồng bằng có hệ thống loa hoạt động thường xuyên; 90% thôn, bản của xã khu vực miền núi có hệ thống loa hoạt động thường xuyên; 100% số thôn trong xã có hộ gia đình thu xem được 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet; có ít nhất một điểm cung cấp xuất bản phẩm.

		8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)		Đạt	
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố		≥90%	Sở Xây dựng
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)	Năm 2021	≥43	Cục Thống kê
			Năm 2022	≥47	
			Năm 2023	≥51	
			Năm 2024	≥55	
			Năm 2025	≥59	
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025		<4,0%	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		≥80%	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		≥30%	
		12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn		≥50%	
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định theo các chỉ tiêu được công bố tại Quyết định số 1245/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và có quy mô tối thiểu từ 10 thành viên trở lên.		≥ 1	Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở ngành liên quan
		13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn 3 sao trở lên hoặc tương đương hiệu lực còn thời hạn		≥ 1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, hoặc có liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm		≥ 1	
		13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã	Có ít nhất 01 sản phẩm nông sản chủ lực của xã được thiết lập hệ thống điện tử truy xuất nguồn gốc đảm bảo các yêu cầu lưu trữ, truy xuất thông tin ở mỗi công đoạn từ sản xuất đến lưu trữ, chế biến và thương mại sản phẩm.	Đạt	
		13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử		≥10%	
		13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng	Có sản phẩm nông sản chủ lực của xã thuộc vùng nguyên liệu tập trung được cấp mã vùng	Đạt	
		13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội		Thực hiện cập nhật nội dung tối thiểu 01 tuần/lần.	
		13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị	Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả đảm bảo đạt các yêu cầu sau: Tạo giá trị gia tăng cho sản phẩm	≥ 1	Sở Nông nghiệp và Phát triển

⁶ Xã đáp ứng đủ các điều kiện sau: Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt tối thiểu 50%; Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin đạt: Tối thiểu 80% đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo và 100% đối với các xã còn lại; Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản đạt: Tối thiểu 50% đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo; Tối thiểu 70% đối với các xã còn lại; 100% sản phẩm OCOP của xã được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử; 100% hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích được thông báo, gắn biển địa chỉ số đến từng điểm địa chỉ.

		(kinh tế, văn hoá, môi trường)	của mô hình; tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập; giữ gìn bản sắc văn hóa; không gây ô nhiễm môi trường.		nông thôn
14	Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		≥95%	Sở Y tế
		14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		≥90%	
		14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		≥40%	
		14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử		≥70%	
15	Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính Thủ tục hành chính thuộc danh mục dịch vụ công được giải quyết qua cổng thông tin điện tử/trang thông tin điện tử đạt tỷ lệ năm 2022 đạt 60%, năm 2023 đạt 70%, 2024 đạt 80%, năm 2025 đạt 90%.		Đạt	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh
		15.2. Có dịch vụ công trực tuyến toàn trình ⁷		Đạt	Sở Thông tin và truyền thông
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định (sai sót không quá 1% và phải được khắc phục sửa chữa đảm bảo đúng quy định) và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp		Đạt	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh
16	Tiếp cận pháp luật	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận		≥ 1	Sở Tư pháp
		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành		≥90%	
		16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu		≥90%	
17	Môi trường	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường		Đạt	Sở Tài nguyên và Môi trường
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường		100%	
		17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định		≥85%	
		17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả		≥40%	
		17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn		≥60%	
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường		100%	
		17.7. Tối thiểu 80% chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường		Đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường		≥85%	Sở Xây dựng
		17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch		Đạt	
		17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng		≥5%	Sở Tài nguyên và Môi trường
		17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn (đất công viên, vườn hoa, sân chơi phục vụ cho nhu cầu và bảo đảm khả năng tiếp cận của mọi người dân trong điểm dân cư nông thôn) tối thiểu ≥4m2/người)		Đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định		≥70%	Sở Tài nguyên và Môi trường
18	Chất lượng môi trường sống	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung		≥55%	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm tối thiểu 60 lít		Đạt	
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác		≥30%	

⁷ Theo Điều 11 của Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng

		hoạt động bền vững		
		18.4. Tỷ lệ hộ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm	100%	
		18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã	Đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp Sở Y tế, Sở Công thương
		18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm	100%	
		18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn (trong đó nhà vệ sinh tự hoại tối thiểu 90% (đối với vùng đồng bằng, ven biển), 80% (đối với vùng miền núi)) và đảm bảo 3 sạch ⁸	≥95%	Sở Tài nguyên và Môi trường
		18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường	100%	
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân	Đạt	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
		19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội từ nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên theo quy định của Bộ Công an (trừ trường hợp bất khả kháng); có mô hình sử dụng Camera an ninh phục vụ công tác đảm bảo an ninh, trật tự gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả; tập thể công an xã đạt danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” trở lên, không có cán bộ, chiến sỹ vi phạm bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên	Đạt	Công an tỉnh
20	Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu	Tỷ lệ thôn, bản đạt 100% yêu cầu theo Bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu	≥60%	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

⁸ Đảm bảo 3 sạch, gồm: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ (theo nội dung của cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động).